

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 760/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;

2. Bà Lê Thị Kim Em.

Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 433/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bích K, sinh năm 1967 - (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1962 - (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 271/37 đường L, khu phố 2, phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà và ông Huỳnh Ngọc D qua thời gian tìm hiểu nhau được 02 (hai) năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn (Giấy

chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2000, do Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2000).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 17 (mười bảy) năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, thêm vào đó là ông D sống không chung thủy, thường xuyên vắng nhà. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng là không còn và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông D.
- Về con chung: có 01 (một) con chung, họ tên là Huỳnh Dương Bích N, sinh ngày 12/11/1991 (đã trưởng thành).
- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Dương Thị Bích K có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 30/8/2017 và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn là ông Huỳnh Ngọc D đã được Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2017/QĐST-HPT ngày 11/9/2017 nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, Điều 204, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211, Điều 220, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập đúng quy định nhưng tại phiên Tòa hôm nay vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Dương Thị Bích K được ly hôn ông Huỳnh Ngọc D; Về con chung: có 01 (một) con chung, họ tên Huỳnh Dương Bích N, sinh

ngày 12/11/1991 (đã trưởng thành). Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là ông Huỳnh Ngọc D cư ngụ tại 271/37 đường L, khu phố 2, phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì đây là tranh chấp về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về hình thức:

Nguyên đơn là bà Dương Thị Bích K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là ông Huỳnh Dương Ngọc D mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/5/2000 có đủ cơ sở để xác định bà Dương Thị Bích K và ông Huỳnh Ngọc D là vợ chồng hợp pháp.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Q, Quận B và theo bà K trình bày thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay gây gổ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, khả năng đoàn tụ không có, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống chung cũng không mang lại hạnh phúc, Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ chung sống với nhau. Vụ án thụ lý đã lâu, Tòa án đã nhiều lần động viên, phân tích nhưng bà Kiều vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

- Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 78, quyền số 01/97 do Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/8/1997 có đủ cơ sở để khẳng định: bà K và ông D có 01 (một) con chung, họ tên Huỳnh Dương Bích N, sinh ngày 12/11/1991 (đã trưởng thành), nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bà Dương Thị Bích K và ông Huỳnh Ngọc D.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1 Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị Bích K ly hôn với ông Huỳnh Ngọc D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyền số 01/2000 do Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2000)

2.2 Về con chung: có 01 (một) con chung, họ tên là Huỳnh Dương Bích N, sinh ngày 12/11/1991 (đã trưởng thành).

2.3 Về tài sản chung: không có.

2.4 Về nợ chung: không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị Bích K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0024115 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kiều đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- UBND phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký đóng dấu)**

Nguyễn Chí Hiếu